TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 09/2021/HNGĐ-PT
Ngày 31 tháng 8 năm 2021
V/v: *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản; chia tài sản chung sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên và ông Lâm Bách

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án;

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham dự phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên;

Ngày 31/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản; chia tài sản chung sau khi ly hôn";*

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích Th, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hiện đang tạm trú: Thôn G, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Bích Th trình bày:

Bà và ông Lê Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đã ly hôn theo quyết định số 22/2009/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian chung sống hai người tạo lập một số tài sản:

- 01 căn nhà cấp 4A xây dựng năm 2005, có diện tích 66m^2, nằm trên đất có diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn.

- 01 lô đất có diện tích 32,5m^2 thửa số 76, tờ bản đồ số 15.3 ở khu phố 3, TT Tân Sơn, huyên Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 48m^2, xây dựng trên diện tích đất 600m^2 ở Hạnh Trí 1, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đóng từ năm 2007 đến 2009 và một số vật dụng gia đình khác.

Trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, giữa bà và ông H có thỏa thuận phân chia tài sản theo giấy tự thỏa thuận lập ngày 16/11/2009. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông H trả cho bà tài sản bà được chia theo giấy thỏa thuận lập ngày 16/1/2009 gồm:

- 01 căn nhà cấp 4A có diện tích 66m^2, nằm trên đất có diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn.

- 01 lô đất có diện tích 32,5m^2 thửa số 76, tờ bản đồ số 15.3 ở khu phố 3, TT Tân Sơn, huyên Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra, còn có yêu cầu chia phần giá trị 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đứng tên người được bảo hiểm Phạm Thị Bích Th mà bà đã đóng bảo hiểm từ năm 2007 đến năm 2009 là 8.907.500 đồng. Tiền cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định số 22/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/20009.

- Đối với 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 48m^2 , xây dựng trên diện tích đất 600m^2 ở Hạnh Trí 1, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu khởi kiện một vụ án khác. Còn tài sản, vật dụng khác tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà phạm Thị Bích Th trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, năm 2009 ông và bà Th đã ly hôn. Quá trình chung sống có tạo lập một số tài sản sau:

-01 căn nhà cấp 4A xây dựng năm 2005 có diện tích 66m^2, nằm trên đất có diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn.

- 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 48m^2 , xây dựng trên diện tích đất 600m^2 ở Hạnh Trí 1, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Nhà đất này hai vợ chồng đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Bạch Cúc vào năm 2001 thời điểm còn chung sống với nhau.

- 01 lô đất có diện tích 32,5m^2, thửa số 76, tờ bản đồ số 15.3 ở khu phố 3, TT Tân Sơn, huyên Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- 01 Ki ốt và tài sản trong ki ốt trị giá 180.000.000 đồng tại thời điểm ông giao là năm 2009, bị cháy ngày 25/11/2011, lúc giao không có giấy tờ, tọa lạc tại khu phố 3, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi ly hôn, ông và bà Th có thỏa thuận phân chia tài sản theo giấy lập ngày 16/11/2009 tuy nhiên sau đó không thực hiện mà thống nhất thỏa thuận lại như sau: bà Th giao căn nhà, đất của thửa số 10 tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn cho ông sở hữu và ông đưa cho bà Th số tiền 45.000.000 đồng. Thực tế, ông đã giao cho bà Th nhận số tiền 35.000.000 đồng và quá trình sử dụng sau ly hôn ông đã xây dựng thêm diện tích 12,07m^2 và làm lại cổng cửa.

Nay ông yêu cầu bà Th trả lại cho ông 01 căn nhà cấp 4A có diện tích 79,2m^2, nằm trên đất có diện tích 139,1m^2, thửa số 10 tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Các tài sản còn lại chia theo quy định pháp luật.

Riêng tiền đóng bảo hiểm 02 hợp đồng do ông đứng tên hợp đồng đóng bảo hiểm cho con và bà Th. Phần bảo hiểm con ông Lê Thị Tú Tr đã rút, ông không tranh chấp. Hợp đồng bảo hiểm của bà Th, ông đóng nên ông đã rút không liên quan đến bà Th. Còn tài sản, vật dụng khác ông đồng ý để ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn quyết định:

Căn cứ: các điều 166 và 203 luật Đất đai; khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 165 và khoản 2 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích Th về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Giao bà Phạm Thị Bích Th được quyền sử dụng và quản lý: 01 căn nhà cấp 4A xây dựng năm 2005 có diện tích 79,2m^2 nằm trên đất có diện tích 139,1m^2, thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Có tứ cận: Đông giáp đường đất; Tây giáp thửa đất số 3; Bắc giáp đường Nguyễn Xí (Chưa cấp giấy CNQSDĐ).

- Giao cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng và quản lý: 01 lô đất có diện tích 32,5m^2, thửa số, tờ bản đồ số 15.3 ở khu phố 3, TT Tân Sơn, huyên Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Có tứ cận: Đông giáp một phần thửa đất số 81 và một phần thửa

đất số 396; Tây giáp đường đất; Nam giáp thửa đất số 77; Bắc giáp thửa đất số 39 (Chưa cấp giấy CNQSDĐ).

- Buộc bà Phạm Thị Bích Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 27.281.518 đồng tương ứng với ½ giá trị tài sản được chia và 35.000.000 đồng số tiền bà Th đã nhận của ông H. Tổng số tiền là 62.281.518 đồng. Nhưng khấu trừ số tiền bảo hiểm mà bà Th đã đóng trước ngày 18/11/2009 là 4.453.750 đồng. Buộc bà Thuận có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hùng là: 57.827.768 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, ông Lê Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ -ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm trong đó có nội dung :“ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích Th về việc đòi căn nhà cấp 4A xây dựng năm 2005, có diện tích 79,2m^2 nằm trên đất có diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, trả lại quyền và lợi ích hợp pháp cho ông”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Th không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo ông Lê Văn H không rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm về tính giá trị tài sản chung, tài sản do ông H xây dựng sau ly hôn trong khối tài sản chung; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Hùng nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Th và yêu cầu của các đương sự, đều có yêu cầu xác định quyền sở hữu về tài sản theo thỏa thuận sau khi ly hôn. Tòa án sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" là chưa đầy đủ, do đó cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp " Tranh chấp quyền sở hữu tài sản; chia tài sản chung sau khi ly hôn". Vụ án thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh sơn là đúng quy định theo khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Đối với yêu cầu chia tài sản là 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 48m^2, xây dựng trên diện tích đất 600m^2 ở Hạnh Trí 1, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; quá trình tố tụng bà Th đã có yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết trong vụ án này; Đồng thời đối với yêu cầu đòi tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định số 22/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/20009 của Tòa án nhân dân huyện Ninh sơn đã được thi hành tại quyết định thi hành án số 200/QĐ – CCTHADS ngày 13/6/2011 của Chi cục trưởng chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh sơn và người được thi hành án tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án tại quyết định đình chỉ thi hành án số 18/QĐ – CC.THA ngày 24/9/2012, vụ việc đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xem xét đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện này của bà Th là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.4] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là 01 ki ốt và tài sản trong ki ốt trị giá 180.000.000 đồng ở chợ Song Mỹ, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận: giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn không có yêu cầu, ông H không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh, không hoàn thành thủ tục yêu cầu phản tố và nộp chi phí tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết. Do đó kháng cáo về chia phần tài sản này của ông Hùng vượt quá phạm vi yêu cầu và không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại điều 5, điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đối với việc tranh chấp về quyền sở hữu căn nhà cấp 4A và quyền sử dụng đất diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 tọa lạc tại khu phố 5, TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận:

Quá trình thu thập chứng cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân tồn tại ông H và bà Th đã tạo lập được một số tài sản chung, sau khi hoàn tất thủ tục ly hôn, ngày 16/11/2009 giữa ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Bích Th có lập giấy tự

thỏa thuận với nội dung: " thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung như sau: giao căn nhà xây cấp 4 diện tích (6 x 11) m nằm trên diện tích đất (6 x 23) m ở khu phố 5 Tân sơn và 01 lô đất diện tích (4 x 8)m ở khu phố 3 Tân sơn cho bà Th trực tiếp sử dụng và bà Th sẽ đồng ý thối lại cho ông Hùng số tiền 45.000.000đ; số nợ của ai người nấy trả". Giấy thỏa thuận có chữ ký của cả hai bên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân sơn. Tuy nhiên, sau đó hai bên không thực hiện theo nội dung trong giấy lập ngày 16/11/2009 mà tiếp tục thỏa thuận lại. Lời khai của ông H xác định hai bên thỏa thuận lại với nội dung: " bà Th giao căn nhà khu phố 5 Tân sơn cho ông H sở hữu, ông H giao cho bà Th 01 ki ốt bán hàng chợ Tân sơn, 01 lô đất 32 m^2 và số tiền 45.000.000đ". Bà Th thừa nhận hai bên có thỏa thuận lại nhưng không đúng như nội dung ông H trình bày và có nhận số tiền do ông H đưa là 35.000.000đ nhưng cho rằng là tiền chia căn nhà ở Quảng sơn. Xét cả hai bên đều thừa nhận có việc thỏa thuận lại nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Theo các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ các vụ án thụ lý số 44/2009 ngày 13/10/2009 về việc "Xin ly hôn", thụ lý số 06/2013 ngày 25/4/2013 về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn" giữa bà Phạm Thị Bích Th và ông Lê Văn H thể hiện lời khai bà Th: "ông H đòi lấy căn nhà và giao lại cho tôi 45.000.000đ và đồ dùng trong nhà, 02 hồ sơ bảo hiểm, tôi cũng đồng ý. Ông H gây rối làm mẹ con tôi không ở được nữa nên tôi phải ra ngoài ở nhưng ông H đưa tôi 35.000.000đ, chưa đưa đủ tiền và không chịu đưa 2 hồ sơ bảo hiểm và đồ dùng trong nhà nên tôi không đồng ý". Trên thực tế ông H có giao cho bà Th nhiều lần tiền với tổng số tiền 35.000.000đ, tại giấy nhận tiền có ghi nội dung: "Tạm thời tôi nhận trước 30.000.000đ giao lại nhà cho anh H, đến khi nào tôi nhận đủ tổng cộng 45.000.000đ tôi sẽ giao nhà cho anh H ở", có người làm chứng là ông Nguyễn Cảnh Th và ông Nguyễn Bá Đ, bà Th thừa nhận nội dung giấy này do bà viết và đã nhận số tiền 35.000.000đ; Lời khai ông Th cho rằng: "ông H giao nhận tiền cho bà Th 20.000.000đ và nội dung là giao căn nhà ở khu phố 5 Tân sơn sát vách nhà tôi cho ông H, giá cả thế nào tôi không biết, ngoài căn nhà này thì ông H bà Th không còn căn nhà nào khác", ông Đ trình bày: "vào ngày 10/8/2010 ông Lê văn H có qua nhà nhờ tôi chứng kiến việc ông H giao tiền cho bà Th 10.000.000đ, cô Th nói lấy tiền để giao nhà lại cho ông H". Như vậy, giấy thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 16/11/2009 không được hai bên thực hiện, đã được thay thế bằng một thỏa thuận mới nhưng cũng chưa được các bên hoàn thành và thực tế ông H cũng chưa giao đủ cho bà Th số tiền 45.000.000đ, cho đến thời điểm hiện nay nhà đất chưa được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Hai bên tự thỏa thuận lại bằng lời nói và cùng thực hiện đã mặc nhiên hủy bỏ giá trị của giấy thỏa thuận lập ngày 16/11/2009. Do đó, bà Th yêu cầu ông H phải giao căn nhà, đất theo văn bản thỏa thuận ngày

16/11/2009 cho bà được quyền sở hữu là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Xét giữa hai bên cũng chưa thực hiện hoàn tất nội dung việc thỏa thuận lại nên ông H cũng chưa được xác lập quyền sở hữu riêng nhà đất này, vì vậy ông H yêu cầu công nhận nhà, đất thuộc quyền sở hữu của ông là không phù hợp pháp luật theo quy định tại điều 223 Bộ luật Dân sự. Mặc khác, sau ly hôn và thỏa thuận phân chia tài sản, ông H và bà Th đã có thời gian chung sống lại nhiều năm. Do đó, tài sản là căn nhà cấp 4A gắn liền quyền sử dụng diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1, tọa lạc khu phố 5, Tân sơn và diện tích 32,5m^2 thửa đất số 76, tờ bản đồ số 15.3, tọa lạc tại khu phố 3, Tân sơn vẫn thuộc quyền sở hữu chung, chưa được phân chia. Cấp sơ thẩm xác định tài sản chung chưa chia và buộc bà Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền đã nhận 35.000.000^đ là có căn cứ.

Theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 15/5/2021 (có sự thống nhất của các bên đương sự) và trích đo bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh Sơn cấp ngày 03/01/2020 thể hiện: Quyền sử dụng đất diện tích 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 ở khu phố 5, Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận trị giá 375.000.000^đ (1m ngang = 62.500.000^đ) và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4A diện tích 65,22m^2 trị giá 132.396.600^đ; cấp 4C diện tích 12,07m^2 trị giá 23.596.850^đ; mái che diện tích 15,34m^2 trị giá 6.280.164^đ; trụ và hàng rào lưới B40 9,7m trị giá 1.158.180^đ; cổng sắt trị giá 3.931.200^đ ; Quyền sử dụng diện tích 32,5m^2 thửa đất số 76, tờ bản đồ số 15.3, tọa lạc tại khu phố 3, Tân sơn trị giá 120.000.000^đ.

Tại công văn số 75/UBND – ĐC ngày 17/4/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân sơn cung cấp: " các thửa đất số 10 tờ bản đồ 23.1 và thửa số 76 tờ bản đồ 15.3 đều đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật".

Bà Th và ông H đều thống nhất xác định diện tích xây dựng 12,07m^2 nhà cấp 4C trị giá 23.596.850^đ và cổng sắt 3.931.200^đ là do ông H sửa chữa, xây dựng thêm vào năm 2015 sau khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm tính vào khối tài sản chung để chia là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Xét công sức đóng góp của các bên là ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung. Ông H và bà Th đều có nguyện vọng được nhận hiện vật, do căn nhà cấp 4A + 4C gắn liền quyền sử dụng đất của thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 là một khối thống nhất nên không thể thỏa mãn việc chia đôi căn nhà trong khi nhu cầu đất ở nông thôn không thiếu. Như vậy, việc giao nhà cho bên nào cần xét đến quyền lợi mọi mặt của các bên. Xét về nhu cầu nhà ở thì ngoài căn nhà này ông H, bà Th không còn sở hữu căn nhà nào, sau khi ly hôn cả hai đều có thời gian luân phiên trực tiếp sinh sống tại đây. Bà Th là phụ nữ và hơn nữa đang

sống cùng con chung của cả hai là cháu Lê Thị Tú Tr sẽ khó khăn hơn trong việc tạo lập chổ ở mới, ông H cũng đã không thường xuyên sinh sống trong căn nhà này từ thời gian gần đây. Vì vậy, căn cứ điều 59, điều 62 luật Hôn nhân và gia đình, chia cho bà Th được quyền sở hữu căn nhà và các công trình phụ gắn liền quyền sử dụng đất diện tích 139,1m^2 thửa số 10 tờ bản đồ 23.1 và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch chia tài sản chung, đồng thời hoàn trả cho ông H 27.528.000^đ phần chi phí sửa chữa xây dựng thêm làm tăng giá trị căn nhà.

Đối với quyền sử dụng đất diện tích 32,5m^2 thửa số 76 tờ bản đồ 15.3 tọa lạc tại khu phố 3, Tân sơn và số tiền phí đóng trước ngày 18/11/2009 của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 03806100005283 trị giá 8.907.500^đ là tài sản tạo lập có trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết của vụ án, chia cho ông H được quyền sử dụng thửa đất và chia mỗi người được quyền sở hữu ½ số tiền bảo hiểm là phù hợp.

Tổng giá trị tài sản chung là 643.742.444^đ, chia đôi mỗi người được nhận 321.871.000^đ (làm tròn số). Cấn trừ nghĩa vụ về tài sản, bà Th còn phải thanh toán cho ông H số tiền chênh lệch chia tài sản là 192.963.500^đ, đồng thời hoàn trả cho ông H 27.528.000^đ và số tiền đã nhận 35.000.000^đ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H; Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo bản đồ địa chính:

Chi phí tại giai đoạn sơ thẩm: số tiền 3.000.000^đ; giai đoạn phúc thẩm: 5.000.000^đ, tổng cộng 8.000.000^đ đã chi phí xong. Ông H, bà Th mỗi người phải chịu ½. Bà Th đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000^đ, ông H đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000^đ, khấu trừ chi phí bà Th còn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền 1.000.000^đ.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu 300.000^đ án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm về chia phần tài sản chung nên tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Bích Th mỗi người phải chịu 16.093.500^đ án phí dân sự sơ thẩm [Cách tính (643.742.444: 2) x 5% = 16.093.500^đ]. Riêng bà Th còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.126.000^đ tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nhưng được khấu trừ vào 500.000^đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018699 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn H 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024051 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ: điều 5, khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 147, điều 148, điều 157, điều 165, điều 217, điều 218, điều 244, điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 33, điều 37, điều 59, điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 223, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 27, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H.

Sửa bản án sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1.Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Th về việc chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, có diện tích 48m^2 gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 600m^2 ở Hạnh Trí 1, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 1 điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Th về việc đòi tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định số 22/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/20009 của Tòa án nhân dân huyện Ninh sơn.

3.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Th đối với bị đơn ông Lê Văn H về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"; Không chấp nhận yêu cầu "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản".

Chia cho bà Phạm Thị Bích Th được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4A + 4C diện tích 77,29 m^2 cùng các công trình phụ gắn với nhà gồm: mái che diện tích 15,34m^2; Cổng 2 cánh cửa, khung sắt; Trụ và hàng rào lưới B40 dài 9,7m.

Quyền sử dụng diện tích đất 139,1m^2 thửa số 10, tờ bản đồ số 23.1 khu phố 5, Thị trấn Tân sơn, huyện Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận. Phần tài sản được nhận có giá trị 542.363.000^đ *(Năm trăm bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*.

Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng diện tích 32,5m^2 thửa đất số 76, tờ bản đồ số 15.3 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn Tân sơn, huyện Ninh sơn, tỉnh Ninh Thuận và quyền sở hữu số tiền 8.907.500^đ phí đóng trước ngày 18/11/2009 theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 03806100005283 của Công ty bảo việt Nhân thọ Ninh Thuận. Phần tài sản được nhận có giá trị 128.907.500^đ *(Một trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng)* .

(Các thửa đất có trích lục bản đồ địa chính ngày 03/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ninh sơn kèm theo).

Bà Phạm Thị Bích Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn H số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 192.963.500^đ *(Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng)* và thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hùng chi phí sửa chữa, xây dựng làm tăng giá trị nhà số tiền 27.528.000^đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng)* và số tiền đã nhận 35.000.000^đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, tổng là 255.491.500^đ *(Hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng)*.

Bà Phạm Thị Bích Th, ông Lê Văn H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

4.Về chi phí xem xét thẩm định, định giá và trích đo bản đồ địa chính: bà Phạm Thị Bích Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 1.000.000^đ *(Một triệu đồng)* chi phí tố tụng.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H phải chịu 16.093.500^đ *(Mười sáu triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Phạm Thị Bích Th phải chịu 19.519.500^đ *(Mười chín triệu năm trăm mười chín ngàn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000^đ *(Năm trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018699 ngày 02/5/2019

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Bà Th còn phải nộp số tiền 19.019.500đ *(Mười chín triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm đồng).*

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn H 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024051 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2021).

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh sơn(1);
- Chi cục THADS huyện Ninh sơn(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Trang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách **Hàng Lâm Viên** **Phạm Thị Anh Trang**